

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày 21 – 9 - 2020.
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Bùi Văn Lao;

+ Bà Nguyễn Thị Chiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông phạm Như Hoàng Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh D - Kiểm sát viên.

Ngày các ngày 15 và 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2020/TLST- DS ngày 27/02/2020, về: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-DS ngày 17/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐ-DS ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại X(GPBank).

Địa chỉ trụ sở: Số X đường Tr, quận H K, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Th – Chức vụ: Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1977; Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng; có mặt.

**** Bị đơn:*** - Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1969;

- Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Cụm X, xã L, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội.

Bà D, ông Th vắng mặt khi xét xử, có mặt khi tuyên án;

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1944;
- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986;
- Cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2013. Người đại diện hợp pháp cho cháu H là anh Nguyễn Văn Th (bố đẻ);
- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991;
- Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1996;
- Cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2017;
- Cháu Nguyễn Bảo L, sinh năm 2019;

Người đại diện hợp pháp cho cháu N, cháu L là anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Ngọc H (bố mẹ đẻ cháu N, cháu L);

Đều cùng địa chỉ: Cụm X, xã L, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI D V U Á N:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng Thương mại Xtrình bày:*

Ngày 02/11/2010, Ngân hàng TMCP Dầu Khí Toàn Cầu - Chi nhánh Th Long - PGD Hà Đông (nay đổi thành Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu - Chi nhánh Th Long - PGD Hà Đông) gọi tắt (GPBank) và bà Hoàng Thị D cùng chồng là ông Nguyễn Văn Th ký Hợp đồng tín dụng số: 0412/HĐTD-GPBTLG/10 và Khế ước nhận nợ số: LD1030600003 ngày 02/11/2010 với nội D: Số tiền vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

- Thời gian vay: 48 tháng kể từ ngày 02/11/2010 đến 02/11/2014;

- Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày mùng 10 hàng tháng. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên là 16%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ của GPBank + biên độ 5%/năm.

- Hình thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 25/11/2010, gốc trả hàng tháng với số tiền là 10.500.000 đồng, kỳ cuối trả 6.500.000 đồng. Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên là 25/11/2010;

- Mục đích vay: Thanh toán tiền xây nhà tại Thôn H, xã L, Đ Ph, Hà Nội.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn Th là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thửa số 109, tờ bản đồ số 03, diện tích 219 m² tại Thôn Hạ, xã L, huyện Đ Ph, Hà Nội; Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số S 689623 do UBND huyện Đ Ph cấp ngày 31/12/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Th. Tài sản được ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng ngày 01/11/2010 tại Văn Phòng công chứng Vạn Xuân, Thành phố Hà Nội. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đan Phượng ngày 02/11/2010. Hộ gia đình ông Th gồm có: ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986; anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991.

Quá trình vay vốn, bà D, ông Th đã thanh toán được cho GPBank tính đến ngày 15/9/2020 tổng số tiền là: 639.127.632 đồng, trong đó nợ gốc là: 500.000.000 đồng và lãi trong hạn là: 137.200.527 đồng, lãi quá hạn là: 1.927.105 đồng. Tuy nhiên sau đó bà D, ông Th không hợp tác và thực hiện nghĩa vụ của mình với GPBank mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà D, ông Th không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ cho GPBank. Bà D, ông Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc từ ngày 25/8/2012.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại X giữ nguyên khởi kiện yêu cầu:

Buộc bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn Th phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại X số tiền lãi còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số 0412/HĐTD-GPBTGLG/10 và khế ước nhận nợ số LD1030600003 ngày 02/11/2010, tính đến ngày 15/9/2020 là: 487.083.861 đồng. Trong đó: Nợ lãi trong hạn là: 42.087.657 đồng, nợ lãi quá hạn là: 368.147.348 đồng, lãi chậm trả trên tiền lãi quá hạn là 76.848.850 đồng.

Trường hợp bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 109 tờ bản đồ số 03, diện tích 219 m² tại Thôn Hạ, xã L, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 689623 do UBND huyện Đan Phượng cấp ngày 31/12/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Th để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký của bên vay vốn với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà D, ông Th tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho GPBank.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, bị đơn là bà Hoàng Thị D trình bày:*

Bà thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng Thương mại X. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên quá trình thực hiện hợp đồng đã không trả được nợ cho Ngân hàng theo thoả thuận.

Đến thời điểm hiện tại bà đã thanh toán cho Ngân hàng xong toàn bộ tiền gốc, chỉ còn khoản nợ lãi. Bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà được trả số tiền là 100.000.000 đồng, số tiền còn lại cho bà xin.

Trường hợp Ngân hàng không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2020 bị đơn là ông Nguyễn Văn Th trình bày:*

Ông thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên quá trình thực hiện hợp đồng đã không trả được nợ cho Ngân hàng theo thoả thuận.

Đến thời điểm hiện tại vợ chồng ông đã thanh toán cho Ngân hàng xong toàn bộ khoản nợ gốc, chỉ còn khoản nợ lãi nhưng số tiền bao nhiêu ông không nắm được. Ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn, giảm cho vợ chồng ông, để ông và bà D thanh toán khoản nợ để rút Giấy CNQSDĐ về.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Thị Luyện trình bày*

Hiện nay cụ đang ở cùng vợ chồng ông Th, bà D. Do tuổi cao nên việc làm ăn của các con cụ không biết. Cụ không liên quan đến khoản nợ của ông Th, bà D, việc giải quyết vụ án như thế nào là do bà D, ông Th quyết định. Khi Tòa án giải quyết vụ án cụ xin được vắng mặt.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ là anh Nguyễn Văn Thắng, anh Nguyễn Văn Lợi, chị Nguyễn Thị Huyền đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc và cũng không cung cấp lời khai nên không có quan điểm về vụ kiện.*

** Tại Biên bản làm việc ngày 04/6/2020, Công an xã L, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội cung cấp*

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Th và hộ gia đình anh Nguyễn Văn Lợi gồm có: Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn Thắng, cháu Nguyễn Thị Thu Hương, anh Nguyễn Văn Lợi, chị Nguyễn Ngọc Huyền, cháu Nguyễn Bảo Nam, cháu Nguyễn Văn Bảo Lâm hiện đang sinh sống tại cụm 3, xã L, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý

vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ pháp luật xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Xđòi nợ tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn Th.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Xđòi 76.484.856 đồng tiền lãi chậm trả trên lãi suất quá hạn đối với bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th.

2. Buộc bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại X số tiền lãi còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số 0412/HĐTD-GPBTLG/10 và khế ước nhận nợ số LD1030600003 ngày 02/11/2010 là: 410.235.005 đồng (bốn trăm mười triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn không trăm linh năm đồng), trong đó: Nợ lãi trong hạn là: 42.087.657 đồng, nợ lãi quá hạn là: 368.147.348 đồng.

3. Trường hợp bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 109 tờ bản đồ số 03, diện tích 219m² tại Thôn Hạ, xã Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 689623 do UBND huyện Đan Phượng cấp ngày 31/12/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Th để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký của bên vay vốn với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà D, ông Th tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho GPBank.

4. Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại X với bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng, bị đơn là bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn là bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Thắng; cháu Nguyễn Thị Thu Hương, sinh năm 2013 (người đại diện hợp pháp cho cháu Hương là anh Nguyễn Văn Thắng); anh Nguyễn Văn Lợi, chị Nguyễn Ngọc Huyền, cháu Nguyễn Bảo Nam, sinh năm 2017, cháu Nguyễn Bảo Lâm, sinh năm 2019 (Người đại diện hợp pháp cho cháu Nam, cháu Lâm là anh Nguyễn Văn Lợi và chị Nguyễn Ngọc Huyền) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; cụ Nguyễn Thị Luyện xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội D

[2.1]. Ngày 02/11/2010, Ngân hàng TMCP D (nay đổi thành Ngân hàng Thương mại X) và bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th ký Hợp đồng tín dụng số: 0412/HĐTD-GPBTLG/10 và khế ước nhận nợ số: LD1030600003 ngày 02/11/2010 với nội D: Số tiền vay: 500.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền xây nhà; thời gian cho vay: 48 tháng; Hình thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 25/11/2010, gốc trả hàng tháng số tiền là 10.500.000 đồng, kỳ cuối trả 6.500.000 đồng. Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên là 25/11/2010.

Ngân hàng Thương mại X đã giải ngân cho bà D, ông Th đầy đủ theo thỏa thuận trong các hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký giữa các bên.

- Về nội D, hình thức: Các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại X và bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội D phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHHH ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn đều thừa nhận các khoản nợ vay gốc, số tiền đã trả, số tiền còn nợ, số lãi trong hạn, lãi quá hạn. Do đó có đủ căn cứ khẳng định các Hợp đồng tín dụng nói trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

[2.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th không thực hiện việc trả nợ theo cam kết, nhiều lần Ngân hàng thông báo yêu cầu bà D, ông Th trả nợ nhưng ông D, bà Th không thực hiện. Do đó bà D,

ông Th là bên có lỗi, vi phạm hợp đồng nên phải chịu hậu quả của giao dịch đã giao kết theo quy định của pháp luật. Theo thỏa thuận tại mục 1, phần I và mục 4 phần III của Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng số 0412/HĐTD-GPBTLG/10 khi bà D, ông Th chậm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi thì phải thanh toán toàn bộ lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn. Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Xđược là có căn cứ, được chấp nhận, buộc bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th phải trả số tiền lãi còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số 0412/HĐTD-GPBTLG/10 và khế ước nhận nợ số LD1030600003 ngày 02/11/2010 là: 410.235.005 đồng (bốn trăm mười triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn không trăm linh năm đồng), trong đó: Nợ lãi trong hạn là: 42.087.657 đồng, nợ lãi quá hạn là: 368.147.348 đồng.

Đối với yêu cầu về đòi 76.848.856 đồng tiền lãi chậm trả trên lãi suất nợ quá hạn, mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay tài sản: Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa Nguyên đơn và Bị đơn xác lập Hợp đồng vay tài sản vào thời điểm năm 2010 (trước ngày 01/01/2017). Theo hướng dẫn tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thỏa thuận này của các bên là vi phạm pháp luật, do vậy yêu cầu của Nguyên đơn không được chấp nhận.

[2.3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại X và hộ gia đình ông Nguyễn Văn Th ký Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa số 109 tờ bản đồ số 03, diện tích 219m² tại Thôn H, xã L, Đ Ph, Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 689623 do UBND huyện Đan Phượng cấp ngày 31/12/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Th.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp được xác lập trên ý chí tự nguyện của các bên, về hình thức, thẩm quyền công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại Điều 106, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003, Điều 342, Điều 343, Điều 344 và các Điều 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005 và hướng dẫn tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà D, ông Th không có ý kiến gì về tài sản đã thế chấp, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Th, anh L là bên thứ 3 thế chấp tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông Th, bà D) đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, quan điểm về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Xét thấy có đủ căn cứ khẳng định Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên là có hiệu lực thi hành. Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Xđược xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn

Văn Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về yêu của bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm và cho bà D, ông Th được trả số tiền 100.000.000đ để tất khoản nợ, tuy nhiên Ngân hàng không chấp nhận, đồng thời đây không phải là một thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà D, ông Th.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th thanh toán các khoản nợ, lãi kèm theo và xử lý tài sản thế chấp nếu bà D, ông Th không trả được nợ, cũng như không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đòi bà D, ông Th phải trả khoản tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi quá hạn là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Ngân hàng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 106, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2011; các Điều 319, 342, 343, 344, 347, 715, 716, 717, 719 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Xđòi 76.848.856 đồng tiền lãi chậm trả trên lãi suất quá hạn đối với bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Xđòi nợ tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th.

3. Buộc bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn Th trả nợ cho Ngân hàng Thương mại X số tiền lãi còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng số 0412/HĐTD-

GPBTLG/10 và Khế ước nhận nợ số LD1030600003 ngày 02/11/2010 là: 410.235.005 đồng (bốn trăm mười triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn không trăm linh năm đồng), trong đó: Nợ lãi trong hạn là: 42.087.657 đồng, nợ lãi quá hạn là: 368.147.348 đồng.

4. Trường hợp bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại X có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại, bán đấu giá tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 109 tờ bản đồ số 03, diện tích 219m² tại Thôn H, xã L, huyện Đ Ph, Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 689623 do UBND huyện Đ Ph cấp ngày 31/12/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Th.

Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Hoàng Thị D, ông Nguyễn Văn Th vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại X cho đến khi khoản nợ được tất toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị D và ông Nguyễn Văn Th phải chịu 20.409.000 đồng (hai mươi triệu bốn trăm linh chín ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại X phải chịu 3.842.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014364 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, còn phải nộp tiếp 2.842.400 đồng (hai triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng,

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng,
Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hữu Hoà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

